



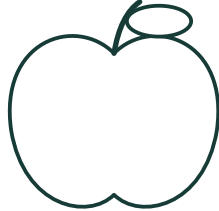
# Thẻ chữ cái tiếng Anh A-Z

Trang 1/4 · 26 chữ cái, mỗi thẻ một từ và hình để bé tô màu · cắt rời theo viền thẻ

Aa

**apple**

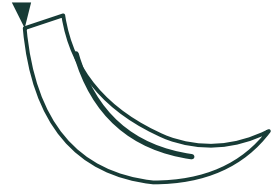
quả táo



Bb

**banana**

quả chuối



Cc

**cat**

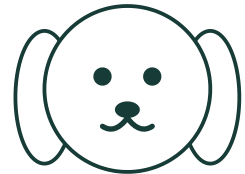
con mèo



Dd

**dog**

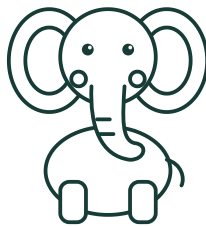
con chó



Ee

**elephant**

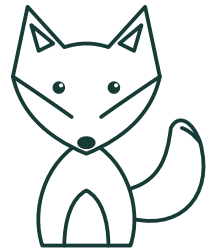
con voi



Ff

**fox**

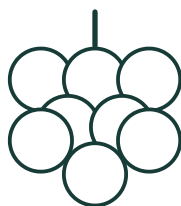
con cáo



Gg

**grapes**

chùm nho



Hh

**house**

ngôi nhà





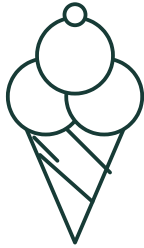
# Thẻ chữ cái tiếng Anh A-Z

Trang 2/4 · 26 chữ cái, mỗi thẻ một từ và hình để bé tô màu · cắt rời theo viền thẻ

Ii

**ice cream**

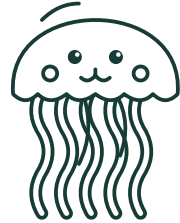
kem ốc quế



Jj

**jellyfish**

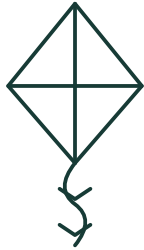
con sứa



Kk

**kite**

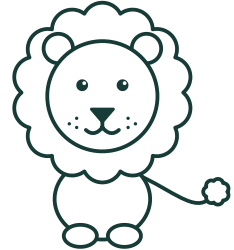
cái diều



Ll

**lion**

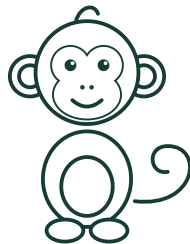
sư tử



Mm

**monkey**

con khỉ



Nn

**nest**

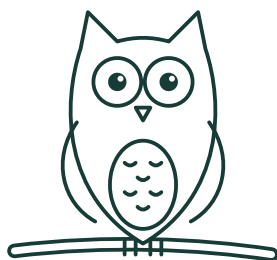
tổ chim



Oo

**owl**

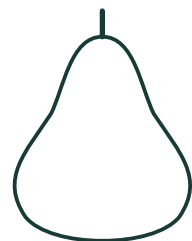
cú mèo



Pp

**pear**

quả lê





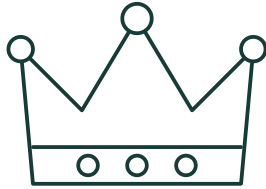
# Thẻ chữ cái tiếng Anh A-Z

Trang 3/4 · 26 chữ cái, mỗi thẻ một từ và hình để bé tô màu · cắt rời theo viền thẻ

Qq

**queen**

nữ hoàng



Rr

**rabbit**

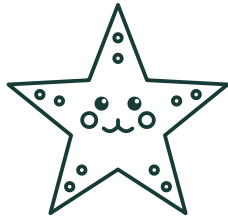
con thỏ



Ss

**starfish**

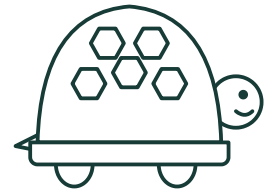
sao biển



Tt

**turtle**

con rùa



Uu

**umbrella**

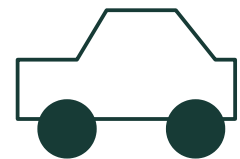
cái ô



Vv

**van**

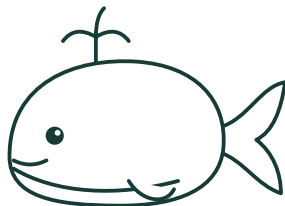
xe tải nhỏ



Ww

**whale**

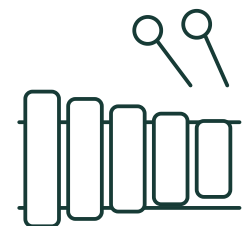
cá voi



Xx

**xylophone**

đàn gỗ





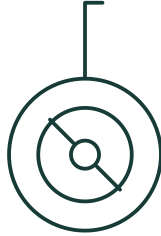
# Thẻ chữ cái tiếng Anh A-Z

Trang 4/4 · 26 chữ cái, mỗi thẻ một từ và hình để bé tô màu · cắt rời theo viền thẻ

Yy

yo-yo

yo-yo



Zz

zebra

ngựa vằn



**My letter**

Chữ của bé · vẽ một hình bắt đầu bằng chữ này

-----

**My letter**

Chữ của bé · vẽ một hình bắt đầu bằng chữ này

-----

**My letter**

Chữ của bé · vẽ một hình bắt đầu bằng chữ này

-----

**My letter**

Chữ của bé · vẽ một hình bắt đầu bằng chữ này

-----

**My letter**

Chữ của bé · vẽ một hình bắt đầu bằng chữ này

-----

**My letter**

Chữ của bé · vẽ một hình bắt đầu bằng chữ này

-----